



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10340/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2646
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 03/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/ GP-BTNMT
				NT46	
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	108	4.560
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 - 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	30,8	40
4	TDS	CEC.QTMT.N-08	mg/L	509	500
5	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	94	50
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	80	★ 40,5
7	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	63	24,3
8	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	128	60,75
9	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	12	4,05
10	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	20	16,2
11	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	6,2	3,24
12	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	0,81
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,0567
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,081
15	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	1,24	0,162
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
17	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	0,17	0,162
18	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,85	1,62
19	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,015	0,081
20	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0405

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,58	5
22	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	7	4,05
23	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	8,4x10 ³	3.000
24	Salmonella*	SMEWW 9274B:2023	Vi khuẩn/ 100mL	KPH	KPH
25	Shigella*	SMEWW 9276B:2023	Vi khuẩn/ 100mL	KPH	KPH
26	Vibrio Cholerae*	SMEWW 9278B:2023	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	KPH

- Vị trí lấy mẫu:

- NT46: Nước thải khu XLNT (đầu vào 1).

Tọa độ: X: 1188634, Y: 0592339

- **Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT:** Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường Navitek - VIMCERTS 304);

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10341/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2646
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 03/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/ GP-BTNMT
				NT47	
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	110	4.560
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6 - 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	30,6	40
4	TDS	CEC.QTMT.N-08	mg/L	495	500
5	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	50	50
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	56	40,5
7	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	37	24,3
8	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	74	60,75
9	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	13	4,05
10	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	18	16,2
11	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	5,3	3,24
12	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	0,81
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,0567
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,081
15	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,83	0,162
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
17	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,162
18	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1,62
19	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,081

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

20	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0405
21	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,5	5
22	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	5	4,05
23	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	$7,9 \times 10^3$	3.000
24	Salmonella*	SMEWW 9274B:2023	Vi khuẩn/ 100mL	KPH	KPH
25	Shigella*	SMEWW 9276B:2023	Vi khuẩn/ 100mL	KPH	KPH
26	Vibrio Cholearae*	SMEWW 9278B:2023	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	KPH

- Vị trí lấy mẫu:

- NT47: Nước thải khu XLNT (đầu vào 2).

Tọa độ: X: 1188751, Y: 0592272

- *Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT:* Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường Navitek - VIMCERTS 304);

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10342/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2646
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 03/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT
				NT48	
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m^3/h	116	4.560
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 - 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	$^{\circ}C$	30,4	40
4	TDS	CEC.QTMT.N-08	mg/L	192	500
5	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	17	50
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	25	40,5
7	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	23	24,3
8	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	58	60,75
9	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	3,78	4,05
10	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	14	16,2
11	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	2,78	3,24
12	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	0,81
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,0567
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,081
15	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,12	0,162
16	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
17	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,162
18	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1,62
19	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,081

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

20	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0405
21	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	KPH (MDL=0,03)	5
22	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	3,2	4,05
23	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	$1,2 \times 10^3$	3.000
24	Salmonella*	SMEWW 9274B:2023	Vi khuẩn/ 100mL	KPH	KPH
25	Shigella*	SMEWW 9276B:2023	Vi khuẩn/ 100mL	KPH	KPH
26	Vibrio Cholearae*	SMEWW 9278B:2023	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	KPH

- Vị trí lấy mẫu:

- NT48: Nước thải khu XLNT (đầu ra).

Tọa độ: X: 1188807, Y: 0592289

- **Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT:** Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường Navitek - VIMCERTS 304);

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11537/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2647
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025 - 27/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT03	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.220	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	78	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT03:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188722.914, Y= 592524.804

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10566/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2786
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 18/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.800	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	74	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT04: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188722,605, Y= 592524,197

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10528/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2770
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT05	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.120	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	57	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT05:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188722.603, Y= 592523.285

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10529/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2770
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.120	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	62	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT06: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 4.

Tọa độ: X= 1188722.293, Y= 592522.375

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10530/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2770
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.060	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	64	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT07:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 5.

Tọa độ: X= 1188722.291, Y= 592521.463

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10531/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2770
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.000	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	59	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT08:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 6.

Tọa độ: X= 1188721.981, Y= 592520.553

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10567/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2786
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 18/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
				KT09	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.220	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	68	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT09:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 7.

Tọa độ: X: 1188741,681, Y: 0592533,259

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10568/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2786
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 18/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.220	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	70	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT10: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 8.

Tọa độ: X: 1188736,464, Y: 0592535,704

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10569/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2786
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 18/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 - 02/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT11	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.220	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	76	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT11:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 9.

Tọa độ: X: 1188734,619, Y: 0592535,406

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10668/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2787
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 19/11/2025 - 03/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.280	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	57	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT12:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 10.

Tọa độ: X: 1188733,698, Y: 0592535,408

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10669/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2787
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 19/11/2025 - 03/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT13	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.740	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	64	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT13:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 11.

Tọa độ: X: 1188738,616, Y: 0592536,002

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10670/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2787
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 19/11/2025 - 03/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT14	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.860	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	71	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT14:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 12.

Tọa độ: X: 1188742,628, Y: 0592542,676

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10671/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2787
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 19/11/2025 - 03/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT15	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.220	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	66	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT15:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 13.

Tọa độ: X: 1188732,484, Y: 0592540,881

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10672/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2787
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 19/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 19/11/2025 - 03/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT16	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.340	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	72	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT16: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 14.

Tọa độ: X: 1188736,152, Y: 0592533,882

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00094/2026/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2682
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 07/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/11/2025 – 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT17	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.380	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	69	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT17: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu B5 - Vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188755.22, Y= 592651.717

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00095/2026/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2682
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 07/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/11/2025 – 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT18	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.020	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	80	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT18: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu B5 - Vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188755.83, Y= 592650.196

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10125/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2671
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 06/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 06/11/2025 - 21/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
				KT25	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	9.780	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	60	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT25:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188812.601, Y= 592956.911

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10126/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2671
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 06/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 06/11/2025 - 21/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
				KT26	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.020	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	63	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT26:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188812.603, Y= 592957.519

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10127/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2671
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 06/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 06/11/2025 - 21/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT27	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.380	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	67	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT27: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188812.916, Y= 592959.645

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10128/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2671
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 06/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 06/11/2025 - 21/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT28	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.800	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	64	96

- **Vị trí lấy mẫu:**
- **KT28:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 4.
Tọa độ: X= 1188812.917, Y= 592960.253
- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10262/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2691
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT33	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.920	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	57	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT33: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188686.372, Y= 592866.111

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10263/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2691
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT34	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.920	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	64	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT34:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188684.222, Y= 592866.421

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10264/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2691
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT35	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.340	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	60	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT35: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188685.15, Y= 592868.545

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10265/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2691
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT36	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.340	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	59	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT36:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 4.

Tọa độ: X= 1188685.462, Y= 592870.367

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10173/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2685
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
				KT47	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	5.460	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	65	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT47: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu B5 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188831.768, Y= 592666.393

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10174/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2685
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.200	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	72	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT48: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu B5 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188834.53, Y= 592665.17

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10175/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2685
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.080	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	70	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT49: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu B5 - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188838.83, Y= 592664.551

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00096/2026/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2682
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 07/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/11/2025 – 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT51	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	9.900	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	70	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT51: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu D6.

Tọa độ: X= 1188891.59, Y= 593075.795

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

nam

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10298/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2646
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 03/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT52	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.100	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	68	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT52: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu K6.

Tọa độ: X= 1188433.969, Y= 592925.754

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10134/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2655
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 04/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 04/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT53	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.360	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	64	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT53: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu K8 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188385.944, Y= 592892.465

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10135/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2655
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 04/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 04/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT54	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.600	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	67	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT54: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu K8 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188372.317, Y= 592853.612

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10136/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2655
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 04/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 04/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
				KT55	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.060	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	76	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT55: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cắt CNC phát sinh tại khu M1.

Tọa độ: X: 1188690.259, Y: 0593049.009

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11572/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2657
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/11/2025 - 17/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT56	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	32	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.460	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	74	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT56: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dếp tại khu Y3 - Vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188518.414, Y= 593128.483

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11573/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2657
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/11/2025 - 17/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT57	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	33	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.380	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	78	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT57:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dếp tại khu Y3 - Vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188516.26, Y= 593127.577

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11574/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2657
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/11/2025 - 17/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT58	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	33	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.580	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	76	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT58:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dếp tại khu Y3 - Vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188518.101, Y= 593126.661

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11575/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2657
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/11/2025 - 17/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT59	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	32	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.640	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	74	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT59:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giày, dép tại khu Y3 - Vị trí 4.

Tọa độ: X= 1188512.547, Y= 593118.169

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11576/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2657
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/11/2025 - 17/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT60	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	32	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.640	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	75	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT60:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giầy, dép tại khu Y3 - Vị trí 5.

Tọa độ: X= 1188513.157, Y= 593116.648

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11577/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2657
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/11/2025 - 17/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT61	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	32	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	12.780	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	78	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT61:** Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dếp tại khu Y3 - Vị trí 6.

Tọa độ: X= 1188517.155, Y= 593117.852

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00097/2026/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2682
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 07/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/11/2025 – 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
				KT66	
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	33	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.220	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	48	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT66: Ống khí thải HTXL khí tổ hợp (túi vải + hấp phụ than hoạt tính + hấp thụ NaOH).

Tọa độ: X:1188921,724, Y: 592973,319

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10137/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2655
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 04/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 04/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT67	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	33	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.220	-
3	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	70	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT67: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn khuôn đế giày tại khu M1.

Tọa độ: X= 1188674,835, Y= 593026,871

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL, GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10299/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2646
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 03/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
				KT68	
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	110	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	12.360	-
3	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	50,16	480
4	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	125,40	408
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	43	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT68: Ống khí thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi (6 tấn hơi/h) đặt tại xưởng K5.

Tọa độ: X= 1188477.831, Y= 592676.183

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10300/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2646
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 03/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/11/2025 - 25/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT69	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	105	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	12.240	-
3	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	49,02	480
4	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	103,78	408
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	57	96

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT69:** Ống khí thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi (6 tấn hơi/h) đặt tại xưởng K8.

Tọa độ: X= 1188422.356, Y= 592948.574

- **QCVN 19:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10138/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2655
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 04/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 04/11/2025 - 22/11/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT70	Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	102	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	12.120	-
3	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	45,60	480
4	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	89,86	408
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	81	96

- Vị trí lấy mẫu:

- KT70: Ống khí thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi (5 tấn hơi/h) đặt tại xưởng K9.

Tọa độ: X= 1188336.275, Y= 592709.085

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025